

Bản án số: 109/2020/KDTM-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Thế Đông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thanh Thảo

Ông Đào Quốc Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Bích Đào – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 662/2020/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty cổ phần S; địa chỉ: đường A, Khu công nghiệp B, phường C, quận D, Thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Hà Xuân N là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền Số 01/2019/CTS-GUQ ngày 05/11/2019)

**- Bị đơn:** Công ty TNHH H (tên cũ: Công ty TNHH L); địa chỉ: đường N, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Trần Thanh L là người đại diện theo pháp luật, chức danh: Giám đốc; địa chỉ: đường O, phường P, quận Q, Thành phố H.

Ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là S) và Công ty TNHH H (tên cũ: Công ty TNHH L, sau đây gọi tắt là CTH) ký Hợp đồng kinh tế số 01290512/CTS-HĐBT ngày 29/5/2012 về việc mua bán beton cement tươi, nội dung hợp đồng là để cung cấp bê tông trộn sẵn đến công trình: Nhà dân – Số 43/7 đường Cầu Xéo, quận Tân Phú theo chủng loại và đơn giá được liệt kê tại Điều 1 của hợp đồng. Đợt đầu tiên, CTH có nghĩa vụ thanh toán 50% giá trị bê tông ngay sau khi cấp, 50% giá trị còn lại thanh toán ngay khi có kết quả nén mẫu của đợt đổ bê tông cuối cùng. Các đợt tiếp theo, căn cứ khối lượng và chủng loại bê tông giao nhận thực tế của mỗi đơn hàng (được thể hiện trên phiếu giao hàng có sự ký nhận của đại diện CTH tại công trình), CTH có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị bê tông cho CTS ngay sau khi cấp bê tông.

Thực hiện hợp đồng, từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2012, CTS đã cung cấp bê tông cho CTH với tổng giá trị là 253.025.000 đồng. CTS đã xuất và giao 20 hóa đơn giá trị gia tăng cho CTH. CTH đã thanh toán 9 đợt, tổng cộng 181.050.000 đồng, còn nợ CTS 71.975.000 đồng.

Ngày đổ bê tông sau cùng là ngày 13/8/2012 nên thời hạn thanh toán sau cùng là ngày 14/8/2012. CTS đã nhiều lần yêu cầu CTH thanh toán nhưng đến nay CTH vẫn không thanh toán số tiền 71.975.000 đồng.

Do đó, CTS khởi kiện yêu cầu CTH phải thanh toán nợ gốc 71.975.000 đồng và lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn 13,5%/năm tính từ 14/9/2012, tạm tính đến ngày khởi kiện là 69.452.996 đồng.

Bị đơn là Công ty TNHH H không có lời khai tại Tòa án, vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và xét xử.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, bị đơn vắng mặt liên tiếp hai lần mặc dù đã được thông báo, triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/09/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hà Xuân N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời xác định yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc 71.975.000 đồng, tiền chậm thanh toán tính từ ngày 14/9/2012 đến ngày mở phiên tòa theo mức lãi suất 12%/năm.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc trả nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán tiền mua hàng và tiền lãi chậm thanh toán theo hợp mua bán hàng hóa; bị đơn có trụ sở tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là tranh chấp hợp mua bán hàng hóa phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh với nhau và có mục đích lợi nhuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng các đương sự mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Ngày 19/09/2020, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc 71.975.000 đồng và tiền chậm thanh toán tính từ ngày 14/9/2012 đến ngày mở phiên tòa theo mức lãi suất 12%/năm. Việc thay đổi yêu cầu về tiền lãi chậm thanh toán của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện nên việc thay đổi này được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không có lời khai tại Tòa án, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu phản bác yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt khi được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án căn cứ vào lời khai, yêu cầu, các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các chứng từ do nguyên đơn giao nộp thể hiện: CTS và CTH đã giao kết Hợp đồng kinh tế số 01290512/CTS-HĐBT ngày 29/5/2012 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) về việc mua bán beton cement tươi, nội dung hợp đồng là để cung cấp bê tông trộn sẵn đến công trình: Nhà dân – Số 43/7 đường Cầu Xéo, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo chủng loại và đơn giá được liệt kê tại Điều 1 của Hợp đồng.

Thực hiện Hợp đồng, từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2012, CTS đã cung cấp bê tông cho CTH với tổng giá trị là 253.025.000 đồng. CTS đã xuất và giao 20 hóa đơn giá trị gia tăng bao gồm: Số 0003488 ngày 02/6/2012, 0003492 ngày 03/6/2012, 0003494 ngày 04/6/2012, 0000007 ngày 5/6/2012, 0000015 ngày 06/6/2012, 0000057 ngày 14/6/2012, 0000061 ngày 15/6/2012, 0000063 ngày 16/6/2012, 0000073 ngày 17/6/2012, 0000151 ngày 22/6/2012, 0000163 ngày 23/6/2012, 0000210 ngày 28/6/2012, 0000215 ngày 29/6/2012, 0000380 ngày 25/7/2012, 0000382 ngày 26/7/2012, 0000460 ngày 8/8/2012, 0000465 ngày 09/8/2012, 000509 ngày 15/8/2012, 0000515 ngày 16/8/2012, 0000695 ngày 12/9/2012, tổng các giá trị hóa đơn là 253.025.000 đồng. CTH đã thanh toán 9 đợt, tổng cộng 181.050.000 đồng. Như vậy, số tiền mua hàng mà CTH chưa thanh toán là: 253.025.000 đồng - 181.050.000 đồng = 71.975.000 đồng.

Ngày cấp bê tông cuối cùng là ngày 13/8/2012, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng thì CTH có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị ngay sau khi được cấp bê tông. Tuy nhiên, từ ngày 14/8/2012 cho đến nay, bị đơn đã không chứng minh được việc thanh toán số tiền còn nợ là 71.975.000 đồng cho nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán nợ gốc tiền mua hàng là 71.975.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[4] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền chậm thanh toán tính từ ngày 14/9/2012 đến ngày mở phiên tòa theo mức lãi suất 12%/năm. Từ ngày 14/8/2012 cho đến nay, bị đơn không thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng nên yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán là đúng quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại. Ngày CTS xuất hóa đơn cuối cùng là ngày 12/9/2012 nên yêu cầu tính tiền chậm thanh toán từ ngày 14/9/2012 là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Hợp đồng.

Theo xác minh của Tòa án nhân dân quận Tân Phú thì lãi suất nợ quá hạn đối với hoạt động cho vay để mua bán hàng hóa tại địa bàn quận Tân Phú như sau: Ngân hàng TMCP A là 12,375%/năm, Ngân hàng TMCP N là 13,5%/năm, Ngân hàng P là 12,75%/năm. Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất chậm thanh toán 12%/năm là tự nguyện, thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng thương mại trên địa bàn quận Tân Phú vừa nêu tại thời điểm xét xử sơ thẩm nên được nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 14/9/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2020) được tính như sau:

$71.975.000 \text{ đồng nợ gốc} \times 12\%/năm \times 8 \text{ năm } 17 \text{ ngày} = 69.498.271 \text{ đồng.}$

[5] Như vậy, CTH phải có nghĩa vụ trả cho CTS số tiền nợ gốc 71.975.000 đồng nợ gốc và tiền lãi do chậm thanh toán là 69.498.271 đồng, tổng cộng 141.473.271 đồng.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại là 7.073.664 đồng được tính trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận.

[7] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S.

Buộc Công ty TNHH H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S số tiền nợ gốc 71.975.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 69.498.271 đồng, tổng cộng 141.473.271 đồng (một trăm bốn mươi một triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí:

Công ty TNHH H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại là 7.073.664 đồng.

Trả lại Công ty cổ phần S 3.535.700 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020276 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền./.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Đỗ Thế Đông**